

Bản án số: 77/2022/HS-ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Thành

2. Ông Đào Quyết Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh V tham gia phiên tòa:
Bà Diệp Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 72/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

Dương Đức H, sinh ngày 11/6/1995

Nơi cư trú: Thôn Th, xã X, huyện L, tỉnh V; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: Lớp 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn H, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966; vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại tại địa phương có mặt tại phiên tòa

- Bị hại: Anh Trần Xuân Qu, sinh năm 1995 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh V.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Đỗ Huy N, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn T, xã Nh, huyện S, tỉnh V

2. Anh Hoàng Đình D, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Qu, xã Đ, huyện S, tỉnh V

3. Anh Đặng Lê Ch, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn L, huyện L, tỉnh V.

4. Ông Dương Văn H, sinh năm 1963, có mặt

5. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966, có mặt

Đều cư trú: Thôn Th, xã X, huyện L, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Đức H, sinh năm 1995 ở thôn Th, xã X, huyện L là bạn của anh Trần Xuân Qu, sinh năm 1995 ở thôn Đ, xã X, huyện L. Anh Qu hiện đang làm kinh doanh bán buôn, bán lẻ xe ô tô, xe máy, xe đạp cũ và cho thuê xe tự lái nên vào khoảng cuối tháng 10/2021 H đến làm thuê cho Qu. Quá trình làm việc tại đây, Qu cho H mượn một số tài sản để thuận tiện trong việc đi lại, giao dịch gồm: 01 điện thoại di động OPPO A92, 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus, 01 dây chuyền vàng tây, 01 xe mô tô BKS 88D1-156.38. Khoảng 20h ngày 03/11/2021, H hỏi Qu cho đi chơi thì Qu đồng ý. Khi đi H đem theo các tài sản trên và một mình đi đến thị trấn L chơi. Đến khoảng 21h30' cùng ngày, sau khi tiêu hết tiền, H nảy sinh ý định bán các tài sản trên lấy tiền tiêu xài cá nhân. H bán chiếc điện thoại di động OPPO cho anh Đỗ Huy N, sinh năm 1992 ở thôn T, xã Nh, huyện S được số tiền 2.500.000đồng (không viết giấy tờ mua bán); bán chiếc xe mô tô BKS 88D1-156.38 cho anh Hoàng Đình Dinh, sinh năm 1988 ở thôn Quế Nham, xã Đồng Quế, huyện Sông Lô được số tiền 8.000.000đồng (có viết giấy tờ mua bán xe); bán chiếc dây chuyền vàng tây cho cửa hàng vàng bạc Anh Phong ở thị trấn L, huyện L được số tiền 2.800.000đồng (không viết giấy tờ mua bán) và bán chiếc điện thoại Iphone 6 plus cho một người đàn ông tên Sơn không quen biết ở xã T, huyện S được số tiền 1.000.000đồng (không viết giấy tờ mua bán). Sau khi bán các tài sản trên H bỏ trốn và tiêu xài cá nhân hết số tiền trên. Ngày 06/11/2021, do tiêu hết tiền nên H quay về nhà Qu và nói đã bán các tài sản trên, H hứa hẹn sẽ trả lại tài sản cho Qu. Đến sáng ngày 07/11/2021 H nói với Qu để H về nhà xin tiền bố mẹ trả cho Qu thì Qu đồng ý. Do thấy H không có phương tiện đi lại nên Qu cho H mượn chiếc xe máy điện BKS 88MD4-000.79. H đi chiếc xe máy điện trên về nhà nhưng không thấy có ai ở nhà, sau đó H đi vay tiền bạn bè nhưng không được nên đi chơi lang thang. Đến buổi chiều cùng ngày, do không có tiền tiêu xài nên H nảy sinh ý định bán chiếc xe máy điện của Qu. Sau đó, H đem bán chiếc xe máy điện trên cho một người đàn ông tên Yên ở cửa hàng xăm Chiến Been ở thị trấn L, huyện L được số tiền 1.500.000đồng (không viết giấy tờ mua bán). H tiêu xài cá nhân hết số tiền trên và bỏ trốn. Anh Qu đã nhiều lần liên lạc yêu cầu H trả lại tài sản nhưng không liên lạc được nên Qu đã viết đơn trình báo cơ quan công an.

Sau khi biết sự việc, gia đình H đã mua lại được các tài sản gồm: 01 chiếc dây chuyền vàng tây, 01 xe máy điện BKS 88MĐ-000.79, điện thoại Iphone trả cho Qu và trả cho Quang 6.000.000đồng tiền mặt (do không mua lại được xe mô tô BKS 88D1-156.38). Qu đã giao nộp các tài sản trên và 01 chiếc điện thoại Samsung note 9 của Qu cho Cơ quan điều tra. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) đã tiến hành tạm giữ của Hoàng Đình D chiếc xe mô tô BKS 88D1-156.38 và giấy tờ mua bán xe; tạm giữ của Đỗ Huy N 01 điện thoại OPPO để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản Kết luận giám định số 8669/C09-P4 ngày 06/12/2021 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: mẫu chuyền bằng kim loại gửi giám định có tổng khối lượng là 5,88g đều là vàng (Au) trang sức, hàm lượng trung bình Au: 40,02%. Ngoài ra còn có đồng (Cu): 44,70%; Kẽm (Zn): 8,00%; Bạc (Ag): 7,28%. Các mắt xích có màu trắng do được mạ Rhodi (Rh).

Ngày 15/12/2021 Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Lập Thạch có kết luận định giá tài sản số 551 kết luận: *dây chuyền vàng trang sức có tổng giá trị 3.189.000đ*; Kết luận định giá tài sản số 552 xác định: *xe mô tô BKS 88D1-156.38 có giá trị 9.000.000đ, xe máy điện BKS 88MĐ-000.79 có giá trị 1.500.000đ, điện thoại di động OPPO A92 có giá trị 3.100.000đ, điện thoại Iphone 6 plus có giá trị 1.700.000đ.*

Tại Cáo trạng số: 77/CT-VKS ngày 12 tháng 9 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố Dương Văn H về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 175, Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L luận tội đối với bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố đối với Dương Đức H. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, điểm b, i, s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Dương Đức H từ 10 đến 12 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H.

Tại phiên tòa, bị cáo Dương Đức H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo Dương Đức H đã khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của mình, bị cáo thừa nhận: Để có tiền tiêu xài cá nhân, khi đang làm thuê cho anh Trần Xuân Qu, sinh năm 1995 ở tại thôn Đ, xã X, huyện L, anh Qu cho H mượn một số tài sản gồm: 01 điện thoại di động OPPO A92, 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus, 01 dây chuyền vàng tây, 01 xe mô tô BKS 88D1-156.38. Đến khoảng 21h30' ngày 03/11/2021, sau khi đi chơi hết tiền, H nảy sinh ý định chiếm đoạt và bán các tài sản trên được số tiền 16.989.000đồng rồi H bỏ trốn và tiêu xài cá nhân hết, dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản. Ngày 06/11/2021, H quay về nhà Qu và nói với Qu đã đem các tài sản trên đem bán và hứa hẹn sẽ trả lại tài sản cho Qu. Đến sáng ngày 07/11/2021, anh Qu cho H mượn chiếc xe máy điện BKS 88MĐ4-000.79 để H làm phương tiện đi về nhà xin tiền bố mẹ H để trả cho Qu, sau đó đến buổi chiều cùng ngày H đem bán chiếc xe máy điện trên được số tiền 1.500.000đồng. H tiêu xài cá nhân hết số tiền trên và bỏ trốn. Tổng giá trị tài sản H chiếm đoạt là 18.489.000đồng.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các lời khai, bản kiểm điểm của bị cáo, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, tang vật chứng đã thu hồi được và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Xét tính chất vụ án tuy là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận bất bình trong nhân dân. Do vậy, xét thấy cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật và có hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, như vậy mới có tác dụng cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Dương Đức H phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*", tội phạm và hình phạt được quy định điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Khoản 1 điều 175 Bộ luật hình sự quy định: “1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000đ đến dưới 50.000.000đ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

b) ...mượn... tài sản của người khác... và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản”.

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét đến tính chất cũng như mức độ thực hiện tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Dương Đức H, thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động để gia đình bồi thường, khắc phục một phần hậu quả, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét thấy cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian cần thiết để giáo dục thành người có ích cho xã hội.

[3] Về hình phạt bổ sung: Qua xem xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo Hậu thấy rằng: Bị cáo không có việc làm, không có thu nhập và không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với Đỗ Huy N là người mua chiếc điện thoại OPPO A92 của H, Hoàng Đình D là người mua chiếc xe mô tô BKS 88D1-156.38 của H, Đặng Lê Ch - sinh năm 1981 ở thị trấn L, huyện L (là chủ của hiệu vàng bạc Anh Phong) là người đã mua lại chiếc dây chuyền vàng tây của H. Quá trình điều tra xác định anh N, anh D, anh Ch không biết đó là tài sản do H phạm tội mà có nên CQĐT không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với người đàn ông tên Yên ở cửa hàng xăm Chiến Been ở thị trấn L - là người mua chiếc xe máy điện BKS 88MD-000.79 của H. Cơ quan điều tra tiến hành triệu tập lên làm việc. Tuy nhiên, cửa hàng xăm Chiến Been đã đóng cửa, H không biết lai lịch của người này nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với người đàn ông tên Sơn là người mua chiếc điện thoại Iphone 6 plus của Hậu. Do H không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể nên cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ để xử lý.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 dây chuyền bằng vàng tây, 01 điện thoại OPPO A92, 01 xe mô tô BKS 88D1-156.38, 01 điện thoại di động Iphone 6plus, 01 xe máy điện gắn BKS 88MD4-000.79 và 01 điện thoại samsung note 9 là tài sản của anh Trần Xuân Qu nên cần trả lại cho anh Qu.

- 01 giấy bán xe là tài liệu chứng minh tội phạm nên cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án

Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Dương Đức H đã bồi thường cho anh Đỗ Huy N số tiền 2.500.000đồng và anh Hoàng Đình D số tiền 2.000.000đồng. Anh N không yêu cầu H phải bồi thường thêm số tiền nào khác. Anh D yêu cầu H tiếp tục phải bồi thường cho anh D số tiền còn thiếu là 6.000.000đồng nên cần buộc bị cáo H phải trả lại anh D số tiền 6.000.000đồng

Đối với số tiền 6.000.000đồng ông Dương Văn H (là bố đẻ H) đã đưa cho Qu. Qu đã trả lại số tiền trên cho ông H, ông H đã nhận lại số tiền trên và không có yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo Dương Đức H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Dương Đức H phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106, Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 357, khoản 2 Điều 468; Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Dương Đức H 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Dương Đức H phải trả anh Hoàng Đình D số tiền 6.000.000đồng.

Kể từ khi anh D có đơn đề nghị thi hành án, nếu bị cáo H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản tiền nêu trên, thì bị cáo H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất do pháp luật quy định.

Về xử lý vật chứng:

Trả lại anh Trần Xuân Qu 01 dây chuyền bằng vàng tây, 01 điện thoại OPPO A92, 01 xe mô tô BKS 88D1-156.38, 01 điện thoại di động Iphone 6plus, 01 xe máy điện gắn BKS 88MĐ4-000.79 và 01 điện thoại samsung note 9 (các vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận ngày 23/9/2022).

Về án phí: Bị cáo Dương Đức H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự trong án hình sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú cuối cùng của người vắng mặt để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh V xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh V.
- VKSND huyện L
- TAND tỉnh V
- Công an huyện L
- THADS huyện L
- Bị cáo
- Các đương sự
- Lưu HS, lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Ngô Thị Minh Hiệp